

NHẬN THỨC LUẬN TRONG PHÂN TÂM HỌC CỦA SIGMUND FREUD

ĐỖ THỊ THÙY TRANG*

Sigmund Freud (1856-1939) là nhà tư tưởng nổi tiếng người Áo. Ông đã có công lao lớn trong việc đặt nền móng cho sự phát triển của phân tâm học. Với việc vạch ra con đường nhận thức cái vô thức, đồng thời đi sâu nghiên cứu giấc mơ cùng những bí mật ẩn sâu bên trong con người, nhận thức luận trong phân tâm học của ông đã khắc phục được những hạn chế của cách tiếp cận duy lý cực đoan về con người, bản tính người. Bài viết phân tích khía cạnh nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud, cùng những đóng góp cũng như hạn chế nhằm hiểu một cách sâu sắc hơn và toàn diện hơn quan điểm về phân tâm học của ông.

Từ khóa: S. Freud, phân tâm học, nhận thức luận của phân tâm học, vô thức

Nhận bài ngày: 20/12/2022; *đưa vào biên tập:* 21/12/2022; *phản biện:* 22/12/2022; *duyet đăng:* 10/01/2023

1. DẪN NHẬP

Nền văn minh hiện đại đã tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa tinh thần của con người, khiến con người phải đối diện với nhiều vấn đề tâm - sinh lý phức tạp. Do đó, đời hỏi khoa học phải nghiên cứu sâu sắc và toàn diện hơn về thế giới nội tâm con người, khám phá bản tính người và đưa ra những định hướng giá trị tinh thần đáng tin cậy. Phân tâm học của S. Freud đáp ứng được nhu cầu đó khi đưa ra lời giải đáp cho việc nhận thức khá đầy đủ, toàn diện về bản tính người trong xã hội hiện đại.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẬN THỨC LUẬN TRONG PHÂN TÂM HỌC CỦA SIGMUND FREUD

2.1. Vô thức

Theo S. Freud, vô thức gồm tất cả những biến cố, những dấu ấn, những ký ức trước đây của con người. Nó cũng có thể hiểu là những tình cảm hay những ký ức có được sau các chuỗi biến cố và cả những ước muốn chưa thực hiện được.

S. Freud đã bắt đầu quá trình nghiên cứu bằng việc tập trung phân tích những đặc trưng của quá trình tâm lý vô thức diễn ra trong sâu thẳm tâm thần của con người. Ông xác định cái tôi (ý thức) chính là chủ thể nhận thức, còn thực tại tâm thần (vô thức) chính là khách thể nhận thức. Quá trình nhận thức phải nắm bắt được cơ chế dịch chuyển từ lĩnh vực vô thức (cụ thể là các hoạt động tâm thần của vô thức) sang lĩnh vực ý thức, qua đó làm sáng tỏ nội dung của vô thức.

* Trường Đại học Tài chính - Kế toán.

Theo đó, phân tâm học tập trung nghiên cứu về thực thể tinh thần hay thể giới nội tâm của con người. S. Freud giải thích rằng, vô thức với tư cách là hạt nhân có vai trò cốt lõi trong thực thể tinh thần, là một thành tố trong kết cấu của tồn tại người; do đó nó quyết định bản chất người của con người. Ông nhấn mạnh “hoạt động tinh thần của con người là do vô thức quyết định”, còn ý thức “chỉ là những hoạt động lẻ loi, một phần nhỏ nào đó của đời sống tinh thần nói chung thôi” (Freud, 2009: 13). Điều này cũng có thể hiểu là phần lớn các hoạt động tinh thần đều có quan hệ chặt chẽ với vô thức, diễn ra trên nền vô thức và được thúc đẩy bởi các xung lực bản năng.

Quá trình nghiên cứu của S. Freud dựa vào những tài liệu về hoạt động tâm lý của con người kết hợp với những kinh nghiệm thực tế. Ông kết luận rằng, trong sinh hoạt thường nhật của con người luôn có sự hiện diện của vô thức. Một thực tế có thể nhìn thấy là mỗi người đều có lúc sẽ rơi vào tình huống như: không nhớ tên của người thân thuộc, quên nghĩa của từ tiếng Anh hay gặp, tìm kiếm những đồ vật khá gần gũi mà không thể nhớ nổi đã cất chúng ở đâu... Những hiện tượng như thế thường xuyên xảy ra dưới sự tác động của các động cơ vô thức. Ngoài ra, những trường hợp khác như: ảo giác hay ảo tưởng của bệnh nhân tâm thần, hoặc giấc mơ của mỗi người đều có nguồn gốc từ cái vô thức. Để giải thích cho những

điều đó, S. Freud nhấn mạnh, những hoạt động tâm lý thường nhật của con người thông qua hóa trang đã che lấp dự vọng vô thức, làm cho nó ẩn sâu kín vào bên trong của tâm hồn và trở thành hình thức tâm lý hợp pháp, dễ dàng được xã hội chấp nhận; và một biểu hiện nữa của hoạt động tâm lý này là sự lãng quên, nhầm lẫn (dẫn theo Phạm Minh Hạc, 2013: 67). Trong đó, S. Freud (2005: 372) đặc biệt nhấn mạnh đến hình thức biểu hiện thứ hai, cho rằng sự nhầm lẫn hay lãng quên là do vô thức ẩn sâu bên trong nên bị ý thức chặn lại và luôn tìm cách để giải thoát.

Vấn đề cơ bản nhất của nhận thức luận trong phân tâm học là làm thế nào để nhận thức được cái vô thức? Để trả lời cho câu hỏi đó, S. Freud đã tiến hành phân chia vô thức thành hai dạng: (1) Vô thức tiềm ẩn nhưng có khả năng trở thành ý thức; (2) Vô thức bị che lấp, không thể trở thành ý thức. Ông đã bắt đầu quá trình nghiên cứu bằng cách khu biệt những gì nằm ở bên ngoài ý thức của con người và cho rằng đó là ngoại giới. Tiếp đến, ông đã chỉ ra để nhận thức cái vô thức không có cách nào khác ngoài việc ý thức về nó (Freud, 2009: 241). S. Freud (2009: 257) giải thích cụ thể hơn: “Ý thức làm cho ta tri giác được sự kích động của ngoại giới, ý thức cũng làm cho ta tri giác được những cảm giác dễ và khó chịu chỉ có thể bắt nguồn từ bên trong bộ máy tâm thần; do đó chúng ta có thể gán cho hệ thống T.Y. (tri giác - ý thức) một vị trí

trong không gian. Hệ thống T.Y. đứng ở biên giới phân chia nội tâm và ngoại giới, hệ thống ấy phải quay mặt ra nhìn thế giới bên ngoài và bao trùm tất cả hệ thống tâm thần khác”. Nhưng đồng thời ông cũng nêu lên vấn đề: “Làm thế nào để đưa vô thức bị dồn nén lên ý thức được?” (Freud, 2009: 259). Đây chính là điểm thể hiện quan điểm chống lại triết học truyền thống đã quá đề cao vai trò của ý thức của S. Freud.

Để giải quyết vấn đề trên, S. Freud đã lấy một khái niệm khác làm trung gian, cầu nối giữa ý thức và vô thức. Đó chính là tiền ý thức. Ông cũng chứng minh rằng, các tri giác hữu thức, vô thức và tiền ý thức không phải là bản sao trong hệ thống tâm thần nên quá trình nhận thức được dịch chuyển tiếp theo từ ý thức vào tiền ý thức. Để nhận thức cái vô thức đòi hỏi phải có sự liên hệ giữa các tri giác về đối tượng với các kết cấu ngôn ngữ. Trong đó, S. Freud đề cao vai trò của ngôn ngữ và kết cấu của ngôn ngữ đối với việc làm sáng tỏ các vấn đề của vô thức. Ông cũng nhấn mạnh, để hiểu rõ về hành vi vô thức thì phải quan tâm tỉ mỉ đến những tình huống trong sinh hoạt thường nhật của con người; kể cả những chi tiết hết sức vụn vặt như: sự lãng quên, hồi tưởng về quá khứ, sự nhầm lẫn và cả những hành vi sai lệch... Từ đó ông đi đến kết luận là lãng quên do ức chế gây ra (Freud, 2002: 21); nghĩa là do sự tác động dồn nén gây ra ức chế thúc đẩy ý thức con người đến tình trạng nhiễu

loạn. Khi tới thời điểm thích hợp, sự quên ấy lại được tái hiện có ý thức.

Nói tóm lại, từ sự phân tích trên, có thể hiểu vô thức được biểu hiện thông qua những sự nhầm lẫn, lãng quên, hồi tưởng quá khứ trong sinh hoạt thường nhật của con người... Dựa trên những kết luận của Wundt cho rằng, “hiện tượng lơ lờ xảy ra trong đời sống tâm lý của con người là do sự tác động của nhân tố tâm lý mà chính xác hơn là do chuỗi liên tưởng thanh âm với chữ” (dẫn theo Freud, 2002: 94). S. Freud (2002: 127) khẳng định: “dẫu là sự lơ lờ đơn giản nhất cũng có thể tìm ra từ bên ngoài hàm nghĩa của chúng do sự nhiễu loạn của suy nghĩ bị ức chế”. Điều này cũng thật dễ hiểu bởi thực tế cho thấy, không ai muốn tự nhận mình nói sai, cho đến khi phát hiện ra thì bị xấu hổ và như thế phải có nguyên nhân gây nhiễu nào đó tác động (Freud, 2002: 128). Những hành vi sai lệch đó do bị dồn nén, ức chế lâu ngày nên ý thức của con người bị nhiễu loạn dồn xuống vô thức. Tuy nhiên, vô thức sẽ có xu hướng quay trở về với ý thức - “một khi bị quyết tâm có ý thức ngăn chặn, thế lực vô thức sẽ lập tức tìm lối thoát khác” (Freud, 2002: 372). Điều đó chứng tỏ, vô thức cũng như mạch ngầm tồn tại nơi sâu kín của con người nhưng nó lại ảnh hưởng và chi phối đến mọi hoạt động thường nhật của con người. Vì thế, việc nhận thức cái vô thức để biến cái vô thức thành cái ý thức là điều cần thiết. Bởi, theo S. Freud (2002: 434-435), vô thức

không chỉ tồn tại trong hành vi sai lệch mà còn hiện diện trong giấc mơ, nó không chỉ tồn tại trong tâm lý người bệnh mà còn xuất hiện ở những người đầu óc tỉnh táo. Điều này có thể lý giải được vì sao việc nghiên cứu về vô thức của ông luôn gắn liền với việc nghiên cứu giấc mơ và nghiên cứu cách điều trị bệnh tâm thần. S. Freud (2009: 437) đi đến kết luận: "... dấu là hành vi sai lệch hay là hành vi ngẫu nhiên, dấu nhẹ hay nặng, điểm chung của chúng là ở chỗ chúng ta có thể truy tìm ngược tới những tư liệu tinh thần ban đầu bị dồn nén, những tư liệu tinh thần này ban đầu khi cách xa ý thức, nhưng mãi mãi tùy cơ mà hành động, tìm mọi cơ hội mà biểu hiện ra". Ở đây, S. Freud đã sử dụng phương pháp hồi tưởng, nhớ lại tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ. Điều này cho thấy, có sự tương đồng trong nhận thức luận của S. Freud với học thuyết của Plato về sự hồi tưởng thế giới ý niệm, về linh hồn bất tử. Ông cũng đã nghiên cứu một cách tỉ mỉ, không bỏ sót một chi tiết nào để thu được các dữ liệu bệnh lý học bằng cách giải mã "các liên tưởng tự do, lý giải giấc mơ, và nghiên cứu các hành vi lệch chuẩn (nói lắp, nói nhịu...)" và cả những chi tiết nhỏ nhặt trong cuộc sống thường nhật mà con người thường hay bỏ qua.

Như vậy, lý luận nhận thức của phân tâm học thừa nhận sự tồn tại bên trong tâm trí của con người một loại tri thức chưa hề được biết cho đến khi tái lập được một chuỗi các hồi tưởng

về các sự kiện có thực đã từng diễn ra trong quá khứ. Nghĩa là, để nhận thức được cái hiện thời, ông đã đưa nó về quá khứ, về cuộc sống trước đây của con người; và đồng thời khẳng định rằng, quá trình nhận thức cái vô thức được kết thúc bằng việc phát hiện ra mặc cảm Oedipus - những ham muốn dục vọng đã tác động đến hoạt động con người.

2.2. Nghiên cứu và giải thích giấc mơ

Từ quan điểm cho rằng, "giấc mơ trở thành đối tượng khảo sát của môn Phân tâm học" (Freud, 2003: 86), S. Freud đã dành sự quan tâm đến việc nghiên cứu và giải thích giấc mơ với tư cách là những hiện tượng tinh thần chứ không phải là hiện tượng của cơ thể. Đây chính là điểm khác nhau giữa phân tâm học với tâm lý học. Bên cạnh đó, S. Freud cho rằng, phân tâm học không chỉ dừng lại ở việc giải thích giấc mơ mà còn hướng tới phòng ngừa và chữa trị một số chứng bệnh thần kinh. Vì thế, việc hiểu rõ về giấc mơ sẽ cung cấp luận cứ quan trọng để tìm hiểu bệnh thần kinh và chữa trị hiệu quả hơn. S. Freud chính là người đã có công trong việc tìm ra hướng đi mới, nghiên cứu "giấc mơ trong khi thức", cái mà ông cho là trạng thái vô thức của con người bị dồn nén, chèn ép trong cuộc sống thường nhật không có cơ hội bộc lộ vì thế nó được xuất hiện trong giấc mơ.

Vận dụng phương pháp tự do liên tưởng để tìm hiểu phần vô thức của

giấc mơ, S. Freud (2003: 123-124) đã phát hiện ra: “Vô thức hay không vào được trong tri thức của người nằm mơ. Cũng giống như trong trường hợp quên đi tên hay những khuynh hướng phát sinh ra một hành vi sai lạc, trong giấc mơ chỉ có những cái gì không được ý thức trong một thời gian. Đối lập với tính cách vô thức giới hạn trong thời gian này những yếu tố của giấc mơ và những hình dung dùng thay thế do sự liên tưởng đạt được sẽ gọi là hữu thức”. Từ đó ông cho rằng, giấc mơ chính là hình thức đã được sửa đổi của một biến cố vô thức xảy ra trước đây và ý thức về giấc mơ chính là để tìm ra cái vô thức này.

Để nhận thức giấc mơ, S. Freud đã đưa ra ba nguyên tắc: (1) Quan trọng nhất là tìm hiểu vô thức ẩn đằng sau giấc mơ hơn là việc tìm hiểu ý nghĩa thực sự của giấc mơ; (2) Phải tìm ra những yếu tố thay thế được những yếu tố của giấc mơ; (3) Đợi đến lúc vô thức dạng ẩn nấu xuất hiện. Với ba nguyên tắc trên sẽ giúp giải tỏa “cái tôi trong giấc mơ” (Freud, 2003: 239). Đó cũng là lúc thoát khỏi mọi sự ràng buộc về luân lý, thỏa mãn bản năng tính dục và những khả năng chống lại sự ràng buộc của luân lý (Freud, 2003: 158). Từ đó, ông (2003: 160) cho rằng, trong hoạt động tinh thần của con người, khi ý thức bị dồn nén, ức chế thì sẽ bị đẩy vào vô thức. Do đó, vô thức không phải là cái nhất thời mà là cái thường xuyên xảy ra.

Bên cạnh đó, phương pháp liên tưởng tự do có thể dùng để khai thác sâu

những suy nghĩ của người bệnh để tìm hiểu những hành vi sai lệch, giấc mơ của họ ẩn chứa điều gì. Nhiệm vụ của nhà phân tâm học là phải phân tích, đồng thời liên kết lời nói, cử chỉ và tất cả những biểu hiện khác của người bệnh để có thể nắm bắt được cái ẩn chứa bên trong những cái đã quan sát hay thu thập được. Do đó, việc tiến hành phân tích bệnh sử của người bệnh giữ vai trò quan trọng, bởi nó cung cấp đầy đủ những cơ sở để rút ra kết luận. Qua cách S. Freud thực hiện cho thấy, nhận thức luận của phân tâm học hướng tới mục đích làm sáng tỏ những biểu hiện của tồn tại người (hay nói cách khác là những ham muốn tính dục ở những đam mê vô thức) thông qua việc giải thích những hành vi sai lệch và giải mã giấc mơ.

2.3. Hướng đến phòng và chữa trị một số bệnh thần kinh

S. Freud đề ra phương pháp nhận thức là đưa vô thức trở về với ý thức. Nhưng trên thực tế, người bệnh không thể ý thức được cái vô thức của mình. Do đó, ông đã sử dụng biện pháp thu thập dữ liệu bằng quan sát lâm sàng; sau đó tiến hành nghiên cứu, đánh giá để tìm nguyên nhân dẫn đến sự dồn nén, ức chế đó. Đây chính là giá trị của nhận thức luận phân tâm học của S. Freud. Nó biểu thị mối quan hệ giữa con người với cái vô thức, liên hệ của vô thức với ý thức và bệnh tâm thần. Cũng nhờ những giá trị đó mà bác sĩ mới có thể chữa khỏi cho bệnh nhân tâm thần.

Cống hiến của S. Freud nổi bật ở chỗ ông đã phân tích toàn diện cái vô thức được bệnh nhân bộc lộ ra trong sự liên tưởng tự do. S. Freud đã chứng minh một điều rằng, con người không phải là một khách thể thuần túy, do đó cần phải xem nhận thức của con người là một quá trình tương tác đồng thời giữa chủ thể và khách thể trong sự tương quan giữa ý thức và vô thức.

S. Freud đưa ra giả thuyết cho rằng, con người có lượng tri thức nhiều hơn mình nghĩ và phần nhiều hơn đó nằm trong vô thức. Để đánh thức phần vô thức đó (hay nói cách khác là để vô thức trở về với ý thức), thì cần phải có phương pháp nhận thức của phân tâm học; thực chất đó là cuộc đối thoại, phản ánh sự thông minh, nhạy cảm của người dẫn dắt câu chuyện để khơi gợi vô thức trở về với ý thức. Nhờ đó mà chúng ta có thể nhận thức được cái vô thức. Đó cũng là phương pháp giúp con người hiểu sâu sắc hơn về chính bản thân mình. Song S. Freud (2002: 527) cũng khẳng định thêm “Cái gì và phương pháp nào cũng có tính hai mặt, chúng ta phải chấp nhận điều đó”; nghĩa là không nên lạm dụng phương pháp phân tâm học, bởi nó có thể phản tác dụng trong trường hợp sử dụng không hợp lý. Bằng việc chỉ ra vai trò của vô thức trong đời sống tinh thần của con người và phương pháp nhận thức nó, S. Freud đã đem lại những đóng góp to lớn trong bối cảnh khủng hoảng về mặt phương pháp luận. Ông cũng đã

gợi mở một hướng đi mới cho nhận thức luận trong triết học khi xác định con người là đối tượng phức tạp, khó nhận thức và khó có thể cải tạo.

3. ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ VỀ NHẬN THỨC LUẬN CỦA PHÂN TÂM HỌC SIGMUND FREUD

3.1. Những đóng góp

Có thể khẳng định nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud đã tạo nên bước ngoặt rất lớn trong nghiên cứu đời sống tinh thần con người; từ đó, tạo cơ sở, động lực thúc đẩy các ngành khoa học xã hội và nhân văn phát triển. Sức ảnh hưởng của nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud không chỉ giới hạn ở việc giải thích các hiện tượng tâm lý cá nhân, mà còn lý giải những hiện tượng tâm lý xã hội.

Nghiên cứu của S. Freud đã đem lại một cái nhìn rõ ràng hơn về vô thức và vai trò của nó trong cấu trúc tồn tại người và trong hoạt động chữa bệnh trong y học lâm sàng. Ông đi sâu vào thế giới nội tâm con người để khám phá những bí ẩn thầm kín của nó nhưng vẫn luôn đảm bảo sự đề cao và trân trọng con người. Sự nỗ lực, tìm kiếm và lý giải những nguyên nhân tác động đến hoạt động tinh thần của cá nhân và xã hội đã thể hiện khát vọng luôn mong muốn về khả năng tiến bộ của con người và khả năng làm xuất hiện những hình ảnh dự phóng từ cuộc hành trình tinh thần của con người; từ đó giúp con người có ý thức và trách nhiệm hơn

với bản thân mình và với xã hội. Từ kết quả nghiên cứu của S. Freud cho thấy sự cần thiết phải xem xét con người một cách toàn diện và sâu sắc; cần phải nhận thức con người như một điểm kết nối giữa thế giới tâm linh và thế giới tự nhiên. Đây là phương pháp luận quan trọng có giá trị định hướng trong việc nhận thức, sử dụng và khai thác tiềm năng của con người như là một nguồn lực vô giá và là mục đích tối cao của sự phát triển xã hội.

Có thể khẳng định, đóng góp lớn nhất của S. Freud là đã nghiên cứu và phát hiện nguồn gốc vô thức. Ông đã đặt nền móng vững chắc cho phân tâm học, để từ đó các nhà tư tưởng về sau tiếp tục kế thừa và phát triển. Ngày nay, phân tâm học đang tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề khoa học về con người đang đi sâu nghiên cứu khám phá dựa trên nền tảng đầu tiên mà ông đã vạch ra. Sự nghiên cứu, tìm tòi của S. Freud đã chứng minh về thực chất, vô thức là cái được mang vào ý thức bởi các quy tắc văn hóa và các chuẩn mực đời sống xã hội (Freud, 2005: 164). Có thể nói, nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud đã nỗ lực mang ánh sáng ý thức soi chiếu vào góc tối của vô thức; nhờ đó có thể làm bộc lộ và khai thác được ý chí và động cơ, giúp điều chỉnh và hóa giải những hiện tượng tâm thần, mang lại ý nghĩa tích cực cho con người. Nhờ những cống hiến đó lý thuyết của S. Freud đã được nâng tầm lên thành lý thuyết triết học.

Phân tâm học của S. Freud đã mang lại một cái nhìn mới ở góc độ nhận thức luận. Nếu như với tuyên bố “tôi tư duy, tôi tồn tại”, Descartes cho rằng ý thức quyết định sự tồn tại của con người thì thay vào đó, S. Freud cho rằng vô thức là nền tảng cho ý thức và sự hiện hữu của cá nhân. Để lý giải điều đó, ông khẳng định, tri thức sẽ không thống nhất và toàn bộ như cách của Descartes đưa ra, mà với vô thức, tri thức được ví như là một ngôi nhà bị chia làm hai tầng: tầng trên được chiếu sáng bởi ý thức và tầng hầm là nơi bóng tối của vô thức ngự trị (Freud, 2022: 531). Theo đó, cũng có thể hiểu đời sống ý thức chỉ là mặt nổi nhỏ bé như tầng băng trên biển, trong khi phần vô thức lại chìm sâu dưới đáy; đó là phần không nhìn thấy được nhưng lại to lớn gấp nhiều và có vai trò quyết định tất cả những nội dung của đời sống ý thức. Năng lực tính dục bị chèn ép, lấn át và chỉ muốn thỏa mãn bằng mọi phương diện mà S. Freud (2003) nhắc tới chính là năng lực đầy khả năng kiểm soát trong bóng tối của vô thức. Qua đó, S. Freud đem lại một cái nhìn hoàn toàn mới về con người với tất cả những ham muốn và nuôi ý chí hành động để thỏa mãn những ham muốn đó. Điều này chỉ có thể lý giải bằng ngôn ngữ vô thức.

Từ xuất phát điểm là khám phá ra vai trò của vô thức để có thể vận dụng nó vào việc lý giải cấu trúc của tồn tại người, cống hiến tiếp theo của S. Freud là đã mở ra một cách tiếp cận

mới, nghiên cứu con người như một thực thể văn hóa đầy phức tạp, trong đó chứa đựng những cam bẫy lớn nhất. Cách tiếp cận này thừa nhận tính tồn tại trong mỗi con người. Triết lý nhân sinh sâu sắc thể hiện ở chỗ con người muốn làm người thì trước hết phải hiểu rõ bản thân mình, phải thừa nhận thú tính với những ham muốn dục vọng của bản thân có thể trở dậy bất cứ lúc nào. Có vậy, mới có thể đề phòng, chế ngự cảm xúc và điều chỉnh hành vi cho phù hợp. Đó là cách duy nhất để đạt được tính Người đích thực. Để có được những khám phá kỳ diệu ấy, S. Freud đã tiếp cận con người một cách toàn diện với sự hội tụ một cách đầy đủ nhất các tính cách của cả phần “con” và phần “người”. Qua đó, ông đã đưa ra lời cảnh tỉnh về thú tính bên trong mỗi con người để có thể tìm ra cách chữa trị.

Như vậy, phân tâm học đã khắc phục được những hạn chế của chủ nghĩa duy lý khi tiếp cận về con người như: phiến diện trong cách nhìn nhận và xem xét con người, đơn giản hóa nhiều vấn đề của tồn tại người; vì thế đã bỏ qua nhiều đặc điểm quan trọng của con người. Bằng ngôn ngữ của vô thức, S. Freud đưa ra những cách lý giải mới, giúp con người hiểu về bản thân mình nhiều hơn; nhờ đó thoát khỏi tình trạng bế tắc mà chủ nghĩa duy lý đang mắc phải. Do đó, việc vén màn đêm đen tối của vô thức là điều cần thiết; nghĩa là phải đưa vô thức trở về với ý thức.

3.2. Những hạn chế

Tuy S. Freud đã có những đóng góp lớn trong việc phát hiện ra vô thức, lý giải bản chất của tồn tại người, cùng với nó là những đóng góp trong việc chữa bệnh tâm thần và phân tích tâm lý nhưng nhận thức luận trong phân tâm học của ông cũng bộc lộ không ít hạn chế. Đầu tiên, việc tuyệt đối hóa những yếu tố bản năng mà không nhìn thấy vai trò của ý thức đối với hành vi của con người là một hạn chế lớn khó có thể chấp nhận. Bên cạnh đó, S. Freud còn đề cao thái quá bản năng tính dục của vô thức mà đã bỏ qua những yếu tố văn hóa lịch sử, xã hội của vô thức (xem Tạ Thị Vân Hà, 2008: 70). Về sau, các học trò của ông như Carl Gustav Jung, Alfred Adler, Erich Fromm... đã lần lượt phê phán điều này. Tất cả họ đã nhìn thấy sự cực đoan trong lý thuyết vô thức của ông khi tách rời các nhân tố xã hội và nhấn mạnh bản năng tính dục trong hoạt động tinh thần của con người. Sự cực đoan còn bị đẩy lên quá mức khi ông cho rằng đó là nguyên nhân chủ yếu làm nảy sinh bệnh tâm thần và các vấn đề tâm lý khác (dẫn theo Phạm Minh Hạc, 2013: 64). Các nhà tư tưởng trên đã khắc phục sự cực đoan đó bằng cách đưa ra những luận giải mới đầy sức thuyết phục về vô thức, phủ nhận vai trò của bản năng tính dục và đề cao vai trò của các yếu tố văn hóa, lịch sử và xã hội trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách người.

Một hạn chế tiếp theo, về mặt phương pháp luận, S. Freud đã thể hiện sự thiếu tin tưởng vào các thành tựu khoa học trong việc nghiên cứu tâm thần; đồng thời ông cũng chưa nhận ra sự khác biệt về nguyên tắc của khoa học tự nhiên và khoa học về con người nên ông phải vay mượn phương pháp của khoa học tự nhiên qua thực nghiệm lâm sàng. Chính sự thiếu nhất quán này đã khiến cho phân tâm học của ông trở thành một lý thuyết khoa học thuần túy đầy tính tư biện (Tạ Thị Vân Hà, 2011: 71). Nếu nhìn bề ngoài phân tâm học là những luận điểm được xây dựng trên cơ sở khoa học thì bên trong lại chứa đựng triết lý mang tính thần bí, duy nghiệm; nghĩa là nó thiếu cơ sở lý luận rõ ràng, thiếu tính thực nghiệm, ít chính xác, do đó nó không thể rút ra được những kết luận chính xác. Trên thực tế, đi ngược lại với những kỳ vọng của S. Freud, hoạt động của phân tâm học thực chất giống như kinh nghiệm chữa bệnh của người Á Đông, bởi nó mang tính triết học hơn là khoa học tự nhiên chính xác.

Tuy nhiên, khi nêu ra những hạn chế trên của phân tâm học, cũng cần phải có cách nhìn nhận mới về phân tâm học trên cơ sở hiểu rõ phân tâm học là như thế nào và những đóng góp của nó đối với quá trình khám phá những điều sâu kín, bí ẩn bên trong thế giới nội tâm của con người. Thật không công bằng khi cho rằng, phân tâm học thiếu những số liệu và phương pháp khoa học thực nghiệm.

Bởi mục đích cao nhất của ngành này là khám phá tâm trí con người để có thể hiểu hơn về nhân cách, cũng như cách hành xử trong đời sống sinh hoạt của con người; trong khi con người luôn phải chịu sự tác động mạnh mẽ từ những điều kiện sống khác nhau nên không thể có một tiêu chí đồng nhất, chung cho tất cả mọi người và đồng thời tâm trí con người luôn diễn biến khá phức tạp. Vì vậy không thể có một dụng cụ khoa học nào có thể đo đạc được tâm trí con người để đưa ra những số liệu chính xác. Nếu chúng ta đòi hỏi kết quả nghiên cứu của phân tâm học phải dựa trên những số liệu và phương pháp khoa học thực nghiệm thì làm đánh mất đi bản chất phân tích tâm trí con người của phân tâm học, biến nó thành một môn khoa học chỉ đơn thuần là đo đạc những biến đổi về mặt sinh học và vật lý của tâm trí con người.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud đã giúp hiểu nguyên nhân hình thành và phương pháp nhận thức cái vô thức; để từ đó từng bước vén được bí mật của tồn tại người. Nhận thức luận trong phân tâm học của ông được các học trò tiếp tục phát triển toàn diện hơn. Cho đến nay, nhiều luận điểm của phân tâm học S. Freud vẫn giữ nguyên giá trị. Đó không chỉ đơn thuần là một lý thuyết y học hay tâm lý học, mà còn được khai thác ở các khía cạnh triết học, văn hóa, tôn giáo, xã hội học... Ở phương diện này,

nhận thức luận trong phân tâm học của S. Freud đã tạo dựng giá trị, lối sống cho con người và hơn nữa là giúp họ hiểu một cách sâu sắc hơn về những điều sâu thẳm bên trong chính bản thân mình. Đây cũng là lý do phân tâm học không chỉ có nhiều ảnh hưởng đối với triết học mà còn đối với

sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, những áp lực và đòi hỏi của xã hội hiện đại khiến con người dễ rơi vào trạng thái trầm cảm, căng thẳng, mệt mỏi, thậm chí gia tăng số ca mắc bệnh tâm thần. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phạm Minh Hạc. 2013. *Học thuyết tâm lý học và Sigmund Freud*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Sigmund Freud, 2005. *Luận bàn về văn minh*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
3. Sigmund Freud. 2002. *Bệnh lý học tinh thần về sinh hoạt đời thường*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông Tin.
4. Sigmund Freud. 2003. *Phân tâm học nhập môn*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Sigmund Freud. 2009. *Tâm lý học đám đông và phân tích cái tôi con người*. Hà Nội: Nxb. Tri Thức.
6. Tạ Thị Vân Hà. 2008. “Quan niệm của S. Freud về vai trò của văn hóa trong đời sống của con người”. *Tạp chí Triết học* (10), tr. 69-77.
7. Tạ Thị Vân Hà. 2011. “Quan niệm về cái vô thức trong tư tưởng triết học của phân tâm học Freud”. *Tạp chí Giáo dục lý luận* (9), tr. 67-71.